

## BÁO CÁO

**tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 246-KH/TU ngày 15/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ**

-----

Phần thứ nhất

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN**

#### **I. Thực trạng tình hình tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên**

Quảng Ngãi là tỉnh duyên hải miền Trung, có diện tích tự nhiên hơn 5,15 nghìn km<sup>2</sup>; dân số hơn 1,23 triệu người; có 04 dân tộc chính là Kinh, Hre, Co, Cadong (trong đó, dân tộc thiểu số 187.090<sup>1</sup> người, chiếm tỷ lệ 15,20%); có 13 đơn vị hành chính cấp huyện (11 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố); 173 xã, phường, thị trấn (17 phường, 08 thị trấn, 148 xã); 954 thôn, tổ dân phố.

Hiện nay, Đảng bộ tỉnh có 17 đảng bộ trực thuộc (11 đảng bộ huyện, 01 đảng bộ thị xã, 01 đảng bộ thành phố, 03 đảng bộ thuộc lực lượng vũ trang và 01 Đảng bộ Khối cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh), có 791 tổ chức cơ sở đảng, trong đó: 497 chi bộ cơ sở<sup>2</sup>, 294 đảng bộ cơ sở<sup>3</sup>.

#### **1. Về tổ chức đảng và sự phân bố đảng viên tham gia sinh hoạt**

Tính đến 30/6/2021, toàn tỉnh có 3.053 chi bộ, trong đó có 497 chi bộ cơ sở và 2.556 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, với **54.363** đảng viên sinh hoạt tại các loại hình chi bộ. Có 81 chi bộ sinh hoạt ghép với 385 đảng viên; chi bộ có từ 03 - 09 đảng viên: 878 chi bộ; chi bộ có từ 09 - 30 đảng viên: 1.810 chi bộ; chi bộ có trên 30 - 100 đảng viên: 334 chi bộ; chi bộ có trên 100 đảng viên trở lên: 31 chi bộ, có 1.961 chi bộ có cấp ủy<sup>4</sup>, cụ thể:

- Chi bộ địa bàn dân cư thôn (tổ dân phố): 954 tổ chức, 913 chi bộ có cấp ủy, với 29.585 đảng viên, tỷ lệ 54,42%.

- Chi bộ quân sự xã: 173 tổ chức, 148 chi bộ có cấp ủy, với 1.806 đảng viên, tỷ lệ 3,32%.

- Chi bộ công an xã, phường, thị trấn: 173 tổ chức, 09 chi bộ công an phường, thị trấn có cấp ủy, với 796 đảng viên, tỷ lệ 1,46%.

<sup>1</sup> Số liệu diện tích tự nhiên, dân số và dân tộc thiểu số theo Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2019.

<sup>2</sup> Số liệu chi bộ cơ sở giảm 12 chi bộ, gồm: Thành ủy giảm 01; Đức Phổ giảm 04; Sơn Tịnh giảm 01; Minh Long giảm 01; Nghĩa Hành giảm 02; Ba Tơ giảm 01; Sơn Hà giảm 02. Tăng 01 chi bộ ở Đảng ủy Công an tỉnh.

<sup>3</sup> Số liệu đảng bộ cơ sở thay đổi là do Thành ủy tăng 01 đảng bộ.

<sup>4</sup> Số liệu được lấy tại thời điểm năm 2020, về kết quả đại hội chi bộ trực thuộc, chi bộ cơ sở. Riêng các loại hình chi bộ, thôn, tổ dân phố; chi bộ công an xã; chi bộ quân sự xã được cập nhật theo số liệu tháng 5/2021.

- *Chi bộ cơ quan hành chính*: 496 tổ chức, 163 chi bộ có cấp ủy, với 5.085 đảng viên, tỷ lệ 9,35%.

- *Chi bộ đơn vị sự nghiệp*: 789 tổ chức (*công lập*: 779, *ngoài công lập*: 10), 465 chi bộ có cấp ủy, với 10.995 đảng viên (*công lập*: 10.883, *ngoài công lập*: 112), tỷ lệ 20,23%.

- *Chi bộ trong lực lượng vũ trang* (quân đội, công an, biên phòng): 252 tổ chức, 146 chi bộ có cấp ủy, với 3.005 đảng viên, tỷ lệ 5,52%.

- *Chi bộ doanh nghiệp nhà nước*: 125 tổ chức, 67 chi bộ có cấp ủy, với 1.533 đảng viên, tỷ lệ 2,82%.

- *Chi bộ doanh nghiệp ngoài nhà nước*: 71 tổ chức, 49 chi bộ có cấp ủy, với 1.218 đảng viên, tỷ lệ 2,24%.

- *Chi bộ sinh viên*: 02 tổ chức, với 45 đảng viên, tỷ lệ 0,08%.

- *Chi bộ hợp tác xã*: 08 tổ chức, 34 đảng viên, tỷ lệ 0,06%.

- *Chi bộ khác*<sup>5</sup>: 10 tổ chức, 01 chi bộ có cấp ủy, 261 đảng viên, tỷ lệ 0,48%.

(*Có Mẫu số 01 kèm theo*)

## 2. Về tình hình đội ngũ đảng viên

Tính đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có **54.363** đảng viên, tăng 14,72% so với đầu năm 2016<sup>6</sup>; đông đảng viên nhất là Đảng bộ Thành phố Quảng Ngãi: 9.575 đảng viên; có ít đảng viên nhất là Đảng bộ huyện Lý Sơn: 866 đảng viên (*chênh lệch 11,06 lần*).

### 2.1. Về mật độ<sup>7</sup> và phân bố đảng viên

- *Tính theo dân số*: Toàn tỉnh có 54.363 đảng viên/1.231.893 người, chiếm tỷ lệ 4,41%, thấp hơn mức trung bình chung cả nước (*100 người có gần 06 đảng viên*)<sup>8</sup>.

- *Tính theo diện tích* (5.155 km<sup>2</sup>): Số đảng viên/km<sup>2</sup> là 11 đảng viên, thấp hơn mức trung bình chung cả nước là gần 16 đảng viên/km<sup>2</sup>; trong đó, huyện Lý Sơn cao nhất là 83 đảng viên/km<sup>2</sup>, huyện Ba Tơ thấp nhất là 03 đảng viên/km<sup>2</sup>.

### 2.2. Về cơ cấu đảng viên

- *Nữ*: 18.689 đồng chí, tỷ lệ 34,38%, bằng trung bình chung cả nước.

- *Dân tộc thiểu số*<sup>9</sup>: 7.493 đồng chí, tỷ lệ 13,78%.

<sup>5</sup> Chi bộ: Hội Luật gia tỉnh; Liên hiệp các Hội KH và KT tỉnh; Hội nạn nhân chất độc da cam Dioxin; Hội Chữ thập đỏ tỉnh; Hội Văn học và Nghệ thuật tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Hội Đông y tỉnh; Tín dụng xã; Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật Nguyễn Hồng Sơn (thuộc ĐUKCCQ và DN tỉnh: 09; Đảng bộ huyện Nghĩa Hành: 02)

<sup>6</sup> Cuối năm 2016 toàn tỉnh có 47.388 đảng viên.

<sup>7</sup> Số liệu theo Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2019.

<sup>8</sup> Trong đó, Minh Long: 1.360 đảng viên/18.722 người, tỷ lệ 7,26%; Sơn Tây: 1.374 đảng viên/21.174 người, tỷ lệ 6,49%; Ba Tơ: 3.848 đảng viên/59.438 người, tỷ lệ 6,47%; Trà Bồng: 2.802 đảng viên/53.598 người, tỷ lệ 5,23%; Lý Sơn: 866 đảng viên/18.550 người, tỷ lệ 4,67%; Nghĩa Hành: 3.054 đảng viên/82.250 người, tỷ lệ 3,71%; Sơn Hà: 2.877 đảng viên/78.337 người, tỷ lệ 3,67%; Thành phố Quảng Ngãi: 9.575 đảng viên/261.417 người, tỷ lệ 3,66 %; Mộ Đức: 4.060 đảng viên/112.592 người, tỷ lệ 3,61%; Đức Phổ: 4.259 đảng viên/120.825 người, tỷ lệ 3,52%; Sơn Tịnh: 2.980 đảng viên/95.843 người, tỷ lệ 3,11%; Bình Sơn: 5.606 đảng viên/181.050 người, tỷ lệ 3,10 %; Tư Nghĩa: 3.533 đảng viên/128.661 người, tỷ lệ 2,75% (*Số liệu do Cục Thống kê tỉnh cung cấp*).

- Đảng viên là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 13.342 đồng chí, tỷ lệ 24,54%, cao hơn bình quân chung cả nước (khoảng 20%).

- Theo nghề nghiệp

+ Đảng viên đang làm việc và công tác: 44.163, tỷ lệ 81,24%.

+ Đảng viên đã nghỉ hưu và nghỉ công tác: 10.200 đồng chí, tỷ lệ 18,76%; trong đó, đảng viên được miễn sinh hoạt đảng: 3.167 đồng chí, tỷ lệ 5,83%.

- Đảng viên là người theo tôn giáo: 28 đảng viên<sup>10</sup>, tỷ lệ 0,05%, thấp hơn nhiều so với cả nước (bình quân chung của cả nước khoảng 1,8%), trong đó: Phật giáo 12; Thiên chúa 10; Công giáo 04; Cao đài 01; Tin lành 01.

### 2.3. Về chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay

- Về độ tuổi: Tuổi bình quân của đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh: 43 tuổi, tương đương trung bình của cả nước. Trong đó: tuổi từ 18 - 30 tuổi: 9.313, tỷ lệ 16,80%; tuổi từ 31 - 35 tuổi: 8.176, tỷ lệ 15,04%; tuổi từ 36 - 40 tuổi: 7.212, tỷ lệ 13,30%; tuổi từ 41 - 45 tuổi: 6.134, tỷ lệ 11,28%; tuổi từ 46 - 50 tuổi: 4.887, tỷ lệ 9,00%; tuổi từ 51 - 55 tuổi: 5.261, tỷ lệ 9,70%; tuổi từ 56 - 60 tuổi: 4.241, tỷ lệ 7,80%; trên 60 tuổi: 9.139, tỷ lệ 16,83%.

- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, sơ cấp: 2.587, tỷ lệ 4,76%; trung cấp: 2.109, tỷ lệ 3,88%; cao đẳng: 6.213, tỷ lệ 11,43%; đại học: 17.620, tỷ lệ 32,41%; thạc sỹ: 1.280, tỷ lệ 2,35%; tiến sỹ: 10, tỷ lệ 0,02%.

- Về trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp: 18.627, tỷ lệ 34,26%; trung cấp: 9.862, tỷ lệ 18,14% (thấp hơn bình quân của cả nước là 22,4%); cao cấp, cử nhân: 3.425, tỷ lệ 6,30%.

Nhìn chung, trong những năm qua, với sự quyết tâm của cấp ủy, chính quyền từ cấp tỉnh đến cơ sở đã quan tâm chú trọng đến công tác xây dựng Đảng, nhất là trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và xây dựng chất lượng đội ngũ đảng viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ (viết tắt là *Chỉ thị 14*). Trên cơ sở Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ (viết tắt là *Hướng dẫn 12*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU ngày 08/10/2018 về nội dung, khung tiêu chí đánh giá nâng cao chất lượng sinh hoạt định kỳ cho các loại hình chi bộ (viết tắt là

<sup>9</sup> Hiện nay, toàn tỉnh có 187.090 người dân tộc thiểu số, tỷ lệ 15,20% dân số toàn tỉnh. Trong đó: Dân tộc Hre: 133.104 người, tỷ lệ 10,81% trên tổng dân số; Dân tộc Co: 33.227 người, tỷ lệ 2,7% trên tổng dân số; Dân tộc Cadong: 19.689 người, tỷ lệ 1,6% trên tổng dân số. Tập trung chủ yếu ở các huyện: Sơn Hà, Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Tư Nghĩa, cụ thể: Sơn Hà: 64.892 người, tỷ lệ 34,68% trên tổng số dân tộc thiểu số; Ba Tơ: 49.188 người, tỷ lệ 26,29% trên tổng số dân tộc thiểu số; Trà Bồng: 35.013 người, tỷ lệ 18,71% trên tổng số dân tộc thiểu số; Sơn Tây: 18.170 người, tỷ lệ 9,71% trên tổng số dân tộc thiểu số; Minh Long: 13.536 người, tỷ lệ 7,24% trên tổng số dân tộc thiểu số; Tư Nghĩa: 2.442 người, tỷ lệ 1,31% trên tổng số dân tộc thiểu số (Số liệu do Cục Thống kê tỉnh cung cấp).

<sup>10</sup> Bình Sơn: 06 (Phật giáo); Nghĩa Hành: 03 (Phật giáo); Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh: 10 (Thiên chúa: 09, Cao đài: 01); Ba Tơ: 02 (Phật giáo); Mộ Đức: 02 (công giáo); Thành phố Quảng Ngãi: 02 (Công giáo: 01, Tin lành: 01); Đức Phổ 01 (Phật giáo); Lý Sơn 01 (Thiên chúa), Minh Long 01 (công giáo).

*Hướng dẫn 06*). Nhờ đó các cấp ủy, chi bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và ý thức, trách nhiệm của đảng viên; xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

## **II. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị 14, Kế hoạch 246**

**1. Đối với Chỉ thị 14:** Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị 14, hầu hết ban thường vụ các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức triển khai, quán triệt đến các cấp ủy trực thuộc bằng nhiều hình thức khác nhau<sup>11</sup>.

**2. Đối với Kế hoạch 246:** Ban thường vụ các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đều tổ chức triển khai, quán triệt đến các cấp ủy trực thuộc bằng nhiều hình thức khác nhau<sup>12</sup>. Có 11/17 đảng bộ cấp huyện cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch, chương trình để tổ chức thực hiện.

*(Có Phụ lục 01 kèm theo)*

## **III. Kết quả thực hiện Chỉ thị 14**

### **1. Kết quả thực hiện**

Qua 05 năm triển khai thực hiện đã tạo được chuyển biến tích cực trong hành động và đem lại kết quả như sau:

1.1. *Nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên được nâng lên:* Gắn với việc thực hiện Hướng dẫn 06, nhiều cấp ủy, bí thư chi bộ đã nắm vững hơn nội dung, quy định, quy trình và phương pháp tổ chức một buổi sinh hoạt chi bộ, nhất là các buổi sinh hoạt theo chuyên đề; đã dần chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế về sinh hoạt chi bộ; nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên, phù hợp với từng loại hình chi bộ.

1.2. *Nền nếp sinh hoạt đảng có chuyển biến tiến bộ hơn trước:* Chế độ sinh hoạt chi ủy, chi bộ định kỳ được duy trì thường xuyên, thực hiện đúng quy định hơn trước. Nhiều cấp ủy, chi bộ đưa thời gian họp vào lịch, kế hoạch ngay từ đầu năm để thực hiện<sup>13</sup>. Tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt ở các loại hình chi bộ đạt từ 85% trở lên, trong đó đảng viên sinh hoạt ở chi bộ thuộc lực lượng vũ trang đạt 95%; đảng viên sinh hoạt ở chi bộ cơ quan hành chính đạt 90%.

1.3. *Nội dung sinh hoạt cơ bản khắc phục được tính hình thức và đơn điệu; phương pháp, cách thức sinh hoạt chi bộ được đổi mới:* Trước khi sinh hoạt chi bộ

<sup>11</sup> (1) Sao lục Chỉ thị 14 gửi đến các chi, đảng bộ cơ sở để chỉ đạo cấp ủy, chi bộ trực thuộc tổ chức học tập, quán triệt cho đảng viên. (2) Tổ chức hội nghị triển khai đến cấp ủy các chi, đảng bộ trực thuộc; cán bộ lãnh đạo, quản lý có từ 85% - 95% đảng viên tham gia học tập. (3) Ban hành văn bản cụ thể hóa để triển khai đến các cấp ủy thực hiện Chỉ thị 14 phù hợp với tình hình thực tế của từng đảng bộ.

<sup>12</sup> (1) Sao lục Kết luận số 18-KL/TW ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư gửi đến các chi, đảng bộ cơ sở để chỉ đạo cấp ủy, chi bộ trực thuộc thực hiện; (2) tổ chức Hội nghị Huyện ủy mở rộng, gồm: các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện; trưởng, phó các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện; bí thư, phó bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc cấp ủy cấp huyện; chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, UBND xã, phường, thị trấn; tỷ lệ tham gia học tập, quán triệt đạt trên 98%. Chỉ đạo, phân công các đồng chí báo cáo viên, huyện ủy viên phụ trách địa bàn, phối hợp cùng chi ủy, đảng ủy cơ sở triển khai, quán triệt cho đảng viên các chi, đảng bộ cơ sở, tỷ lệ đảng viên tham gia đạt trên 95%. (3) Ban hành các văn bản, kế hoạch để các cấp ủy triển khai thực hiện.

<sup>13</sup> Tập trung vào các loại hình chi bộ thôn, tổ dân phố; chi bộ cơ quan hành chính; chi bộ trong lực lượng vũ trang (thời gian các chi bộ tổ chức sinh hoạt tập trung chủ yếu từ ngày 25 tháng trước đến ngày 05 tháng sau).

các cấp ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ chuẩn bị kỹ nội dung và đưa ra tập thể chi ủy thảo luận (đối với chi bộ có chi ủy) thống nhất về nội dung, chương trình sinh hoạt và đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng qua, đề ra nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong tháng tới gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nhiều chi bộ đã mở rộng dân chủ, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; thể hiện được tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu.

1.4. *Về sinh hoạt chuyên đề*: Từ khi có Chỉ thị 14, cấp ủy các cấp, chi bộ quan tâm hơn đến việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sinh hoạt chuyên đề theo đúng quy định mỗi quý một lần. Phần lớn các chuyên đề được các cấp triển khai sinh hoạt chủ yếu theo từng chủ điểm gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và những vấn đề nổi cộm, phát sinh được chi bộ, đảng viên và Nhân dân quan tâm.

Một số cấp ủy đã chủ động cụ thể hóa sinh hoạt với các chủ đề: “Tiết kiệm làm theo Bác”, “Cơ quan, đơn vị giúp xã, thôn khó khăn và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức giúp đỡ hộ nghèo”, “Góp vốn xoay vòng”, “Xây dựng quỹ Nghĩa tình đồng đội”, “Hũ gạo tình thương”, “Heo đất tiết kiệm”, “Gây quỹ tương trợ cộng đồng”; “Gần dân, giúp dân - đảng viên giúp hộ gia đình”, “Gần dân, sát việc”, “04 đúng - 04 phải - 03 sát”, “Giải pháp tiếp tục nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức với phương châm thiết thực, hiệu quả, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động”, “Huy động nguồn lực hỗ trợ trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh được khám và phẫu thuật”; “Kết nối những tấm lòng”, “Chăm sóc sức khỏe người dân và hỗ trợ người bệnh có hoàn cảnh khó khăn”, “Thi đua sản xuất kinh doanh giỏi”; mô hình: “03 có, 03 không”, mô hình “Sổ tay đảng viên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”...

1.5. *Cách làm hay, mô hình hiệu quả, sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ ở địa phương, cơ quan, đơn vị*

Nhiều cấp ủy huyện chỉ đạo cấp ủy cơ sở thường xuyên đổi mới mô hình học tập và làm theo Bác phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị. Trong sinh hoạt chi bộ đã mở rộng, phát huy dân chủ, tạo được không khí sôi nổi; phương pháp điều hành sinh hoạt gợi mở, linh hoạt để đảng viên tham gia thảo luận, thể hiện chính kiến của mình, luôn tạo được không khí cởi mở, chân thành; phát huy tinh thần tự phê bình và phê bình, nâng cao sức chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ. Cấp ủy cơ sở và một số đồng chí bí thư chi bộ lựa chọn các vấn đề nổi cộm, bức xúc trong cơ quan, đơn vị, địa phương để đảng viên trong chi bộ bàn biện pháp khắc phục, giải quyết dứt điểm những việc nổi cộm, vướng mắc, xây dựng cơ quan, đơn vị, địa phương ngày càng vững mạnh.

(Có Phụ lục 02 kèm theo)

1.6. *Thực hiện mô hình chi bộ thôn, tổ dân phố bước đầu đạt nhiều kết quả so với năm 2015*

Toàn tỉnh hiện có 954 chi bộ thôn, tổ dân phố, trong đó có 913/954 chi bộ có chi ủy (tỷ lệ 95,70%), tăng 10,22%. Có 250 cán bộ hưu trí tham gia hoạt động và giữ chức bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố (tỷ lệ 26,20%).

- *Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên: 920/954 đảng viên, đạt tỷ lệ 96,44%, tăng 49,08%.*

- *Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố là đảng viên: 916/954 đảng viên, đạt tỷ lệ 96,02%, tăng 49,87%.*

- *Thực hiện các mô hình: Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có 131/954 thôn, tổ dân phố (tỷ lệ 13,73%), tăng 12,78%; bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác Mặt trận có 280/954 thôn, tổ dân phố (tỷ lệ 29,35 %), tăng 28,57%; phó bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ dân phố có 587/954 thôn, tổ dân phố (tỷ lệ 61,53%), tăng 82,92%; phó bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác Mặt trận có 225/954 thôn, tổ dân phố (tỷ lệ 23,58%), tăng 13,28%.*

Ở những nơi chưa thực hiện được mô hình "Bí thư, phó bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận thôn", ban thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các địa phương bố trí, phân công chi ủy viên hoặc đảng viên giữ chức trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, cụ thể: 74 chi ủy viên, 128 đảng viên giữ chức trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố (tỷ lệ 7,76%); 262 chi ủy viên, 149 đảng viên giữ chức trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố (tỷ lệ 27,46 %).

*(Có Mẫu số 2 kèm theo)*

1.7. *Về công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, phát triển đảng viên ở các loại hình chi bộ: Cấp ủy các cấp và chi bộ luôn quan tâm đến công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên, hàng năm đều xây dựng kế hoạch, chương trình, đề ra giải pháp cụ thể để tạo nguồn và phát triển đảng viên mới. Từ năm 2016 đến nay, toàn tỉnh đã kết nạp được 8.521 đảng viên. Chất lượng đảng viên mới tăng dần, năm 2016 đảng viên mới có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt tỷ lệ 80,84%, năm 2020 đạt tỷ lệ 94,09% (tăng 13,25% so với năm 2016). Một số địa phương chỉ đạo thực hiện kết nạp đảng viên mới đạt và vượt chỉ tiêu như Bình Sơn, Thành ủy Quảng Ngãi, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh.*

*(Có Mẫu số 3, 4 kèm theo)*

1.8. *Công tác kiểm tra, giám sát được chú trọng: Hầu hết cấp ủy các cấp và chi bộ cơ sở đều nhận thức công tác kiểm tra, giám sát là một trong những phương pháp lãnh đạo của Đảng nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Do đó, đa số cấp ủy các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo ban hành chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa, hàng năm, trong đó có nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị 14. Kết quả, trong 05 năm đã tổ chức kiểm tra, giám sát 2.165 cuộc, trong đó:*

cấp ủy cấp huyện kiểm tra, giám sát 165 cuộc; ban tổ chức và ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp huyện kiểm tra, giám sát 186 cuộc; cấp cơ sở kiểm tra, giám sát 1.814 cuộc.

Qua kiểm tra, giám sát, cấp ủy, tổ chức đảng phát huy những kết quả đạt được và nhận ra được những hạn chế, yếu kém trong sinh hoạt chi bộ, để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời, giúp tổ chức đảng ngày càng trong sạch vững mạnh.

## 2. Đánh giá chung

### 2.1. Ưu điểm

Qua 05 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 14, có thể khẳng định Chỉ thị đã đi vào đời sống thực tiễn, chất lượng sinh hoạt chi bộ được nâng lên rõ rệt. Nhiều chi bộ, tổ chức cơ sở đảng đã phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, lãnh đạo cán bộ, đảng viên và Nhân dân thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên và của chi bộ. Nền nếp sinh hoạt chi bộ đảm bảo, nội dung sinh hoạt bám sát thực tiễn và kịp thời phổ biến, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng đến đảng viên; phát huy dân chủ, đồng thời tăng cường từng bước đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu của chi bộ; nhiều cách làm sáng tạo, phong phú trong việc phát huy tính nêu gương của đảng viên; khắc phục cơ bản tình trạng tổ trưởng tổ dân phố chưa phải là đảng viên và chi bộ thôn, tổ dân phố chưa có cấp ủy; đã thực hiện các mô hình kiêm nhiệm chức danh ở thôn, tổ dân phố đạt kết quả bước đầu.

Công tác xây dựng đội ngũ đảng viên được chú trọng, độ tuổi bình quân của đảng viên trong toàn tỉnh dần được trẻ hóa (*độ tuổi bình quân của đảng viên hiện nay là 43 tuổi, so với 45 tuổi năm 2016*). Tỷ lệ phát triển đảng viên là nữ, người dân tộc thiểu số được ổn định<sup>14</sup>. Tỷ lệ kết nạp đảng viên là sinh viên, học sinh và trong lực lượng công nhân, người lao động được tăng dần<sup>15</sup>. Tỷ lệ đảng viên được đánh giá, xếp loại mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên chiếm tỷ lệ cao<sup>16</sup>.

### 2.2. Hạn chế

(1) Năng lực cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng vào công tác thực tế của đơn vị ở một số chi bộ còn hạn chế. Tình trạng vẫn còn cấp ủy, chi bộ chưa xem trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, một số đảng viên chưa tham gia đầy đủ các buổi học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Công tác quản lý đảng viên ở một số chi bộ, nhất là chi bộ ở địa bàn dân cư thiếu chặt chẽ. Nhiều đảng viên chưa thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương,

<sup>14</sup> Tỷ lệ nữ so với tổng số đảng viên được kết nạp vào Đảng hằng năm: Năm 2016 là 48,66%; năm 2017 là 50,13%; năm 2018 là 48,91%; năm 2019 là 50,90%; năm 2020 là 46,64%.

Tỷ lệ dân tộc thiểu số so với tổng số đảng viên được kết nạp vào Đảng hằng năm: Năm 2016 là 13,76%; năm 2017 là 15,47%; năm 2018 là 15,51%; năm 2019 là 16,74%; năm 2020 là 13,97%.

<sup>15</sup> Tỷ lệ sinh viên, học sinh so với tổng số đảng viên được kết nạp vào Đảng hằng năm: Năm 2016 là 1,78%; năm 2017 là 2,04%; năm 2018 là 2,12%; năm 2019 là 1,47%; năm 2020 là 3,53%.

Tỷ lệ trong lực lượng công nhân, người lao động so với tổng số đảng viên được kết nạp vào Đảng hằng năm: Năm 2016 là 2,87%; năm 2017 là 4,07%; năm 2018 là 4,78%; năm 2019 là 5,83%; năm 2020 là 5,86%.

<sup>16</sup> Tỷ lệ đánh giá, xếp loại đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Năm 2016 là 78,33%; năm 2017 là 78,12%; năm 2018 là 79,07%; năm 2019 là 80,65%; năm 2020 là 80,53%.

trong đó có cả đảng viên là lãnh đạo, quản lý các cấp; uy tín thấp trong quần chúng. Công tác nắm tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và dư luận xã hội của một số chi bộ còn hạn chế; năng lực lãnh đạo ở một số cấp ủy chi bộ chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

(2) Chất lượng sinh hoạt chi bộ một số nơi chưa cao, nội dung sinh hoạt còn rập khuôn; đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của chi bộ và đảng viên còn chung chung, chưa cụ thể, chưa sâu sát; nhiệm vụ, giải pháp đề ra để giải quyết vấn đề còn mang tính lý thuyết, hạn chế hiệu quả lãnh đạo; thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên chưa rõ ràng. Việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề của một số ít chi bộ hiệu quả chưa cao, thiếu sáng tạo, có nơi còn cứng nhắc, nặng về lý luận; chưa đảm bảo theo quy định, nhất là chưa có giải pháp thiết thực, sát với tình hình thực để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở đặt ra.

(3) Trong sinh hoạt, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình còn yếu; nhiều đảng viên nể nang, né tránh, không dám góp ý, phê bình đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý; ý kiến đóng góp của đảng viên chưa đi vào trọng tâm cuộc họp, chưa liên hệ nhiệm vụ cụ thể của tổ chức và cá nhân. Vẫn còn lẫn lộn giữa sinh hoạt chuyên môn và sinh hoạt chi bộ, chưa phân biệt giữa quyết định của chi bộ thực hiện vai trò lãnh đạo với việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo cơ quan, đơn vị theo chức trách, thẩm quyền.

(4) Một bộ phận đảng viên, trong đó có cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, suy thoái về đạo đức, lối sống, không thực hiện được trách nhiệm nêu gương, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước bị xử lý kỷ luật.

(5) Một số trường hợp bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị không chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ dẫn đến độc đoán, chuyên quyền.

(6) Công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên mới và sự phân bố đảng viên chưa đồng đều, chủ yếu là tập trung ở bộ phận lực lượng vũ trang và các chi bộ cơ quan hành chính, các đơn vị trong hệ thống chính trị các cấp; còn ở khu vực thôn, tổ dân phố, vùng miền núi, hải đảo, trong các đơn vị kinh tế tư nhân, người tham gia tôn giáo, dân tộc thiểu số còn ít, mỏng và khó khăn. Cụ thể:

- Công tác phát triển đảng viên mới trong lực lượng người làm nông, lâm, ngư nghiệp giảm dần: Năm 2016, 409 người, tỷ lệ 20,25%; năm 2017, 256 người, tỷ lệ 13,03%; năm 2018, 151 người, tỷ lệ 8,02%; năm 2019, 145 người, tỷ lệ 9,71%; năm 2020, 45 người, tỷ lệ 3,88%.

Số lượng chi bộ còn nguồn phát triển đảng viên chiếm tỷ lệ cao (72,75%), nhưng việc phát triển đảng viên mới gặp nhiều khó khăn, trong đó có 1.143 chi bộ từ 02 - 03 năm mới kết nạp được đảng viên; 384 chi bộ từ 04 - 05 năm mới kết nạp được đảng viên (Có Mẫu số 03 kèm theo).

- Công tác xây dựng đội ngũ đảng viên là công nhân, người lao động trong các đơn vị kinh tế tư nhân; người tham gia tôn giáo; dân tộc thiểu số còn thấp, chưa tương ứng với nguồn. Cụ thể:



+ Công nhân, người lao động trong các đơn vị kinh tế tư nhân: 82.847 người, trong đó có 1.218 đảng viên, tỷ lệ 1,47%; tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân chỉ có 71 tổ chức, thấp so với số lượng doanh nghiệp kinh tế tư nhân đang hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh.

+ Người tham gia tôn giáo: 254.204 tín đồ, có 28 đảng viên, tỷ lệ 0,0110%. Trong đó: Phật giáo: 12 đảng viên/220.539 tín đồ, tỷ lệ 0,0054%; Thiên chúa giáo: 14 đảng viên/10.080 tín đồ, tỷ lệ 0,1389%; Cao đài: 01 đảng viên/6.910 tín đồ, tỷ lệ 0,0145%; Tin lành: 01 đảng viên/16.645 tín đồ, tỷ lệ 0,0060%.

+ Dân tộc thiểu số: 187.090 người, có 7.493 đảng viên, tỷ lệ 4,01% là vẫn còn thấp, chưa đều. Trong đó: Sơn Hà: 1.803 đảng viên/64.892 người, tỷ lệ 2,78%; Ba Tơ 2.593 đảng viên/49.188 người, tỷ lệ 5,27%; Minh Long: 802 đảng viên/13.536 người, tỷ lệ 5,92%; Sơn Tây: 894 đảng viên/18.170 người, tỷ lệ 4,92%; Trà Bồng 1.097 đảng viên/35.013 người, tỷ lệ 3,13%.

- *Tình trạng chưa có đảng viên, chưa có tổ chức đảng vẫn còn xảy ra ở một số lĩnh vực, ngành y tế, trường học (Mẫu số 05 kèm theo).*

(7) Có 41/954 chi bộ thôn, tổ dân phố chưa có cấp ủy (tỷ lệ 4,3%)<sup>17</sup>; còn 34 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên (tỷ lệ 3,56%); 38 trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chưa là đảng viên (tỷ lệ 3,98%). Thực hiện mô hình bí thư kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đạt tỷ lệ chưa cao.

- Công tác tuyên truyền, vận động các chủ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiểu sâu sắc chủ trương thành lập tổ chức đảng trong doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Vì phần lớn chủ doanh nghiệp chỉ coi trọng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, ít chú ý đến công tác phát triển đảng viên hoặc xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội. Một bộ phận công nhân, người lao động trong doanh nghiệp chỉ quan tâm đến việc làm, tiền lương, thu nhập, không thiết tha phấn đấu để trở thành đảng viên, không thiết tha sinh hoạt trong các tổ chức chính trị - xã hội.

2.3. *Nguyên nhân của hạn chế*, có rất nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan, có thể nêu ra các nguyên nhân chính như sau:

- Tác động của kinh tế thị trường làm phân hóa mạnh mẽ đảng viên và quần chúng, đặt ra những vấn đề mới và khó cho công tác xây dựng đảng ở cơ sở nhưng chưa được nghiên cứu giải quyết kịp thời; các cấp còn lúng túng trong việc thực hiện xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên ở doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Mức khoán kinh phí hoạt động cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ còn thấp, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, nhất là ở những địa phương có quy mô dân số đông, địa bàn rộng, trách nhiệm đòi hỏi nhiều nhưng quyền lợi chưa tương xứng. Hơn nữa, công tác quy hoạch, phê chuẩn chức vụ cán

<sup>17</sup> Lý Sơn 02; Sơn Hà 04; Ba Tơ 01; Nghĩa Hành 03; Tư Nghĩa 01; Sơn Tây 02; Đức Phổ 05; Sơn Tịnh 01; Thành ủy 05; Trà Bồng 05; Mộ Đức 12.

bộ cấp xã ở một số địa phương chưa bảo đảm điều kiện tiêu chuẩn theo quy định của Trung ương nên vẫn còn một bộ phận cán bộ xã chưa đạt chuẩn. Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng theo Đề án đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2016-2025 của Thủ tướng Chính phủ<sup>18</sup> nên công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đối tượng này còn hạn chế, ảnh hưởng đến kết quả và chất lượng công tác đảng ở thôn, tổ dân phố.

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa đề cao trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị 14. Vẫn còn tình trạng đảng viên là lãnh đạo, quản lý ở các cấp chưa tự giác, gương mẫu chấp hành chế độ sinh hoạt đảng. Ý thức, trách nhiệm ở một bộ phận đảng viên chưa cao, chưa phát huy hết trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được phân công, có lúc còn thoái thác nhiệm vụ.

- Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa tích cực, chủ động, chưa có chương trình, kế hoạch tổng thể, dài hạn trong công tác phát triển đảng viên; còn lúng túng trong lãnh đạo hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nên chưa tạo được nguồn đoàn viên, hội viên, nhất là thanh niên ưu tú để bồi dưỡng, phát triển Đảng. Đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động chủ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiểu về chủ trương thành lập tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp còn hạn chế.

- Ở một số chi bộ thôn, tổ dân phố phần lớn đảng viên là cán bộ hưu trí, lớn tuổi, sức khỏe yếu, cùng lúc đảm đương 02 chức danh vừa làm công tác Đảng, vừa làm công tác chính quyền hoặc công tác Mặt trận thì khó hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc nhiều thôn, tổ dân phố sau sáp nhập có diện tích rộng, dân số đông và số lượng đảng viên tăng nên kiêm nhiệm các chức danh ở thôn, tổ dân phố khó khăn hơn.

- Công tác chỉ đạo, kiểm tra nói chung, trong đó có việc kiểm tra thực hiện Chỉ thị số 14 của cấp ủy cấp trên chưa thường xuyên, thiếu kiên quyết. Tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm trong phê bình, tự phê bình chậm được khắc phục; đánh giá xếp loại đảng viên ở một số nơi chưa thực chất; việc rà soát, sàng lọc đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng thực hiện chưa thường xuyên, quyết liệt. Một bộ phận quần chúng còn khó khăn về việc làm, thu nhập nên chưa có nguyện vọng phấn đấu vào Đảng.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

**Một là**, thường xuyên quán triệt, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy cho cán bộ, đảng viên, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm cho đảng viên trong sinh hoạt chi bộ.

**Hai là**, phải tăng cường vai trò của cấp ủy, chi bộ và trách nhiệm của đảng viên, phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu cơ quan, đơn vị tham gia sinh hoạt chi bộ; từng cấp ủy viên phải được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phụ trách cụ thể từng nội dung trong sinh hoạt chi bộ, làm tốt từ khâu chuẩn bị đến việc tổ chức sinh hoạt chi bộ; đảng viên trong chi bộ phải được phân công nhiệm vụ phù hợp.

<sup>18</sup> Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 – 2025.

**Ba là**, lựa chọn đúng những đồng chí tham gia cấp ủy chi bộ phải có tinh thần trách nhiệm, có tâm huyết, nhiệt tình trong công tác; có kinh nghiệm thực tiễn; nắm rõ tình hình thực tế của địa phương. Đặc biệt, phải gương mẫu, đi đầu trong mọi công việc; thực sự uy tín với Nhân dân nơi cư trú; chịu khó nghiên cứu, tìm hiểu các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia tập huấn, bồi dưỡng nội dung, phương pháp, quy trình sinh hoạt chi bộ để điều hành sinh hoạt chi bộ đạt chất lượng.

**Bốn là**, duy trì thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát, trong đó chú ý kiểm tra, giám sát việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ.

#### **IV. Kết quả 01 năm thực hiện Kế hoạch 246**

##### **1. Kết quả thực hiện**

##### **1.1. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng**

Ban thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có nhiều đổi mới và thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên. Quan tâm, tăng cường công tác tư tưởng, định hướng dư luận xã hội<sup>19</sup> trong các hoạt động của Đảng, chính quyền, đoàn thể, nhất là sinh hoạt chi bộ. Chỉ đạo các trung tâm bồi dưỡng chính trị trực thuộc và các báo cáo viên chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ công tác đảng và bồi dưỡng đảng viên mới.

Tăng cường chỉ đạo việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII với nhiều nội dung phong phú và hình thức phù hợp. Nghiêm túc triển khai, tổ chức thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Tổ chức sinh hoạt chuyên đề về đạo đức gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, thực sự tiên phong, gương mẫu và có dũng khí trong đấu tranh tự phê bình và phê bình.

Nổi bật, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh chỉ đạo thực hiện Cuộc vận động “*Xây dựng phong cách người Công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì Nhân dân phục vụ*”; tổ chức cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ thường xuyên tương tác với

---

<sup>19</sup> Ban thường vụ cấp huyện thường xuyên củng cố, kiện toàn Tổ nắm bắt, nghiên cứu, giải quyết thông tin, dư luận và thành lập Ban Chỉ đạo đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng-văn hóa; chỉ đạo cấp ủy đảng thực hiện tốt công tác tuyên truyền và định hướng dư luận trong đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành các quy định của Đảng khi tham gia các trang mạng xã hội.

02 trang Fanpage của Công an tỉnh và các trang của Công an huyện, thị xã, thành phố...

Song song thực hiện nhiệm vụ, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện đã quan tâm tổ chức các lớp bồi dưỡng nhận thức về đảng, đảng viên mới, bồi dưỡng cho cấp ủy cơ sở cấp lý luận chính trị, quản lý nhà nước, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng với số lượng 46 lớp, với 4.125 học viên; trong đó: lớp bồi dưỡng nhận thức về đảng: 30<sup>20</sup>, lớp sơ cấp chính trị: 09<sup>21</sup>, lớp bồi dưỡng đảng viên mới: 20<sup>22</sup>; bồi dưỡng cho cấp ủy cơ sở: 11<sup>23</sup>, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng: 07<sup>24</sup> (*Mẫu số 08 kèm theo*). Riêng Ban Thường vụ Huyện ủy Bình Sơn đã ban hành Kế hoạch số 03-KH/HU ngày 03/9/2020 về tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho 260 cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý năm 2020.

1.2. *Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các loại hình tổ chức cơ sở đảng*

- Sắp xếp lại các tổ chức đảng để phù hợp, đồng bộ với việc đổi mới, sắp các đơn vị hành chính theo Nghị quyết 18-NQ/TW, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện đã nghiêm túc lãnh đạo, chỉ đạo sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, từ 184 xã, phường, thị trấn xuống còn 173 xã, phường, thị trấn (giảm 11 xã) và sắp xếp sáp nhập thôn, tổ dân phố còn 954 thôn, tổ dân phố (giảm 202 thôn, tổ dân phố<sup>25</sup>).

- Về xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân theo Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư gắn với việc thực hiện Công văn số 3575-CV/TU ngày 06/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đến nay đã thành lập được 12 tổ chức đảng (*Tư Nghĩa: 05, Nghĩa Hành: 01, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh: 06*).

- Việc nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên cũng được quan tâm thực hiện. Trong năm 2020, ban thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy kết nạp được 1.160 đảng viên mới, trong đó có 1.092 đảng viên có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên (chiếm tỷ lệ 94,13%). Nhiều địa phương đã quan tâm việc kết nạp học sinh, sinh viên đủ tiêu chuẩn vào Đảng<sup>26</sup>, năm 2020 đã kết nạp được 41 trường hợp là học sinh, sinh viên<sup>27</sup>/1160 (tỷ lệ 3,53%). Nhiều địa phương thực hiện việc khảo sát, tạo nguồn phát triển 68 đảng viên trong lực lượng

<sup>20</sup> Bình Sơn: 03, Sơn Tịnh: 02, Tư Nghĩa: 02, Trà Bồng: 03, Minh Long: 01, Mộ Đức: 03, Sơn Hà: 02, Nghĩa Hành: 02, Lý Sơn: 01, Sơn Tây: 02, Công an: 01, Biên Phòng: 01, Thành ủy: 03, Đức Phổ: 02, Ba Tơ: 02.

<sup>21</sup> Bình Sơn: 01, Sơn Tịnh: 01, Trà Bồng: 01, Mộ Đức: 01, Minh Long: 01, Sơn Hà: 01, Lý Sơn: 01, Sơn Tây: 01, Thành ủy: 01.

<sup>22</sup> Bình Sơn: 03, Sơn Tịnh: 02, Tư Nghĩa: 02, Trà Bồng: 02, Minh Long: 01, Mộ Đức: 01, Sơn Hà: 01, Nghĩa Hành: 01, Lý Sơn: 01, Sơn Tây: 01, Công an: 01, Thành ủy: 02, Đức Phổ: 02, Ba Tơ: 02.

<sup>23</sup> Bình Sơn: 02, Sơn Tịnh: 01, Trà Bồng: 01, Sơn Hà: 04, Lý Sơn: 01, Ba Tơ: 02.

<sup>24</sup> Mộ Đức: 04, Sơn Hà: 01, Lý Sơn: 01, Ba Tơ: 01.

<sup>25</sup> Số liệu do Ban cán sự UBND tỉnh cung cấp.

<sup>26</sup> Số liệu được tính nhiệm kỳ 2015-2020: đã kết nạp được 221 học sinh, sinh viên vào Đảng thuộc 06 đảng bộ: Thành ủy: 65, Bình Sơn: 62, Tư Nghĩa: 4, Mộ Đức: 11, Đức Phổ: 1, Đảng ủy Khối cơ quan và Doanh nghiệp: 78.

<sup>26</sup> Huyện Bình Sơn, Thành ủy Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Ba Tơ.

<sup>27</sup> Thành ủy 15; Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh 8; Mộ Đức 02; Bình Sơn 16.

công nhân, người lao động sản xuất ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước trong năm 2020<sup>28</sup>.

- Việc rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng được ban thường vụ cấp ủy cấp huyện tập trung chỉ đạo rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên theo Chỉ thị số 28-CT/TW của Ban Bí thư. Kết quả, đã rà soát có 581 trường hợp (*328 trường hợp đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm chế độ chuyển sinh hoạt đảng 82, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, Nhà nước 160, thiếu gương mẫu, uy tín thấp 11*).

- Việc sắp xếp, tinh giản về số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được triển khai thực hiện đồng bộ, tăng cường kiêm nhiệm theo đúng Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Kết luận số 38-KL/TW của Bộ Chính trị, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện thực hiện bảo đảm theo lộ trình giảm dần, theo hướng tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối các địa phương, đơn vị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động. Nhiều địa phương<sup>29</sup> khi thực hiện giảm chức danh người hoạt động không chuyên trách xã, đã mạnh dạn đưa các đồng chí này tham gia cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố; đồng thời kiêm các chức danh người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố.

- 100% cấp ủy các cấp đã triển khai đồng bộ việc xây dựng kế hoạch theo dõi địa bàn, phụ trách cơ sở theo phương châm "cấp ủy cấp tỉnh nắm đến tổ chức cơ sở đảng; cấp ủy cấp huyện nắm đến chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; đảng viên ở cơ sở nắm đến hộ gia đình".

- Công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hàng năm có nhiều chuyển biến tích cực; năm 2020, kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên chiếm tỷ lệ cao (92,38%), không hoàn thành nhiệm vụ thấp (0,12%); tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên chiếm tỷ lệ cao (92,5%), không hoàn thành nhiệm vụ chiếm tỷ lệ thấp (0,58%).

### 1.3. Công tác xây dựng chất lượng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư

- Công tác xây dựng chất lượng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư ở cơ sở dần được nâng lên, trẻ hóa được độ tuổi<sup>30</sup>. Thường xuyên chú trọng đến công tác bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng cho cấp ủy viên, bí thư cấp ủy cơ sở. Qua 01 năm thực hiện, đã tổ chức được 07 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng<sup>31</sup> cho 575 học viên; 11 lớp bồi dưỡng cấp ủy cơ sở<sup>32</sup> cho 789 học viên (*có Mẫu số 06 kèm theo*).

<sup>28</sup> Tư Nghĩa: 02, Ba Tơ: 04, Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp: 62.

<sup>29</sup> Huyện Bình Sơn, Thành ủy Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Ba Tơ...

<sup>30</sup> Cấp ủy viên: Độ tuổi: dưới 35 tuổi chiếm tỷ lệ 13,04%; Từ 35 đến dưới 40 tuổi chiếm tỷ lệ 28,9%; về trình độ chuyên môn: trên đại học: 426 đồng chí; đại học, cao đẳng: 2.389 đồng chí; trung cấp: 272 đồng chí; về trình độ LLCT: cử nhân, cao cấp: 532 đồng chí; trung cấp: 2.282 đồng chí; sơ cấp: 270 đồng chí. Bí thư: độ tuổi: Dưới 35 tuổi chiếm tỷ lệ 1,22%; Từ 35 đến dưới 40 tuổi chiếm tỷ lệ 20,73%; về trình độ chuyên môn: trên đại học: 66 đồng chí; đại học, cao đẳng: 179 đồng chí; trung cấp: 01 đồng chí; về trình độ LLCT: cử nhân, cao cấp: 132 đồng chí; trung cấp: 106 đồng chí; sơ cấp: 08 đồng chí.

<sup>31</sup> Tổ chức lớp: Ba Tơ 01; Lý Sơn 01; Sơn Hà 03; Mộ Đức 04.

<sup>32</sup> Tổ chức lớp: Ba Tơ 02; Lý Sơn 01; Sơn Hà 04; Trà Bồng 01; Sơn Tịnh 01; Bình Sơn 02.

- Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch, chuẩn bị nhân sự cấp ủy cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025 được thực hiện nghiêm túc. Nhiều địa phương đã hoàn thành việc thực hiện bổ sung quy hoạch cấp ủy các cấp; trong đó huyện Sơn Hà, Bình Sơn đã phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch năm 2021 các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc cấp mình quản lý.

- Công tác kiện toàn cấp ủy, bí thư cấp ủy cơ sở được kịp thời. Thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã ở 78/173 xã, phường, thị trấn (tỷ lệ 45,08%)<sup>33</sup>; bí thư cấp ủy kiêm chủ tịch ủy ban nhân dân xã ở 10/173 xã, phường, thị trấn (tỷ lệ 5,78%)<sup>34</sup>; bí thư là thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có 424/765 đồng chí (tỷ lệ 55,42%) (có Mẫu số 07 kèm theo).

- Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ đảng viên cũng được quan tâm, chú trọng (Mẫu số 03 kèm theo). Qua đánh giá, hiện nay có 2.211/3.039 chi bộ còn nguồn kết nạp đảng viên (tỷ lệ 72,75%), số chi bộ hằng năm đều có kết nạp đảng viên mới là 913/2211 chi bộ (tỷ lệ 41,29%).

#### 1.4. Công tác dân vận

Hầu hết, cấp ủy cơ sở thường xuyên thực hiện nắm chắc tình hình tư tưởng của Nhân dân, nhất là ở những địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự, kịp thời có biện pháp tuyên truyền, vận động, thuyết phục, xử lý những vấn đề nổi cộm, phát sinh nhằm ổn định tình hình ngay từ cơ sở. Các cấp ủy, chính quyền thực hiện nghiêm quy chế người đứng đầu cấp ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của dân.

- Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện tích cực triển khai kế hoạch thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 ban hành Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền đến các đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Tăng cường giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Tích cực kiện toàn tổ chức và phát huy hiệu quả vai trò hoạt động của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư cộng đồng, thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện các chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế, phòng chống tội phạm, Luật Nghĩa vụ quân sự.

#### 1.5. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Cấp ủy các cấp đã lãnh đạo, triển khai nghiêm túc các quy định về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Ngay từ đầu nhiệm kỳ 2020-2025, cấp ủy các cấp đã xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm để thực hiện hoặc giao cho ủy ban kiểm tra thực hiện. Kết quả kiểm tra, giám sát, cấp ủy, tổ chức

<sup>33</sup> Bình Sơn 8/22; Sơn Tịnh 11/11; Tư Nghĩa 4/14; Trà Bồng 4/16; Minh Long 4/5; Mộ Đức 9/13; Sơn Hà 8/14; Nghĩa Hành 02/12; Sơn Tây 03/9; Thành ủy 06/23 xã; Đức Phổ 09/15 xã; Ba Tơ 10/19.

<sup>34</sup> Bình Sơn 02/22; Tư Nghĩa 01/14; Trà Bồng 1/12; Nghĩa Hành 01/12; Thành ủy 04/23; Đức Phổ 01/15.

đảng và ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra 3.530 lượt đảng viên, 5.332 tổ chức đảng; giám sát 3.530 lượt đảng viên, 2.762 lượt tổ chức đảng. Trong đó, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra có dấu hiệu vi phạm đối với 401 đảng viên và 150 tổ chức đảng; thi hành kỷ luật 1.155 đảng viên. Riêng năm 2020, thi hành kỷ luật 03 tổ chức đảng (*khiển trách 02, cảnh cáo 01*); 255 đảng viên (*khiển trách 118; cảnh cáo 29; cách chức 02; khai trừ 08; xóa tên 98*)<sup>35</sup>. Qua đó đánh giá đúng ưu điểm của tổ chức đảng và đảng viên để phát huy, phát hiện, chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm để uốn nắn, khắc phục, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân khi có dấu hiệu vi phạm, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh (*Mẫu số 08 kèm theo*).

## **2. Đánh giá chung**

### **2.1. Ưu điểm**

- Về nhận thức: Hầu hết các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng nên đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, quán triệt và triển khai các biện pháp xây dựng tổ chức cơ sở đảng thật sự là hạt nhân chính trị ở cơ sở, tăng cường củng cố, kiện toàn về tổ chức và đội ngũ cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp ngang tầm với nhiệm vụ chính trị được giao.

Sau hơn 01 năm triển khai, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, đã sắp xếp, giảm được một số đầu mối cơ quan, đơn vị hành chính của cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố. Theo đó, sắp xếp, sáp nhập các tổ chức cơ sở đảng, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở phù hợp với đơn vị hành chính theo đúng quy định Điều lệ Đảng.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng tăng, số lượng đảng viên được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ từ cao đẳng trở lên đạt tỷ lệ 46,21% và có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên đạt 24,44%.

- Công tác kiểm tra, giám sát, công tác quản lý đảng viên ngày càng được cấp ủy các cấp quan tâm, tăng cường số lượng, chất lượng các cuộc kiểm tra giám sát, qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các thiếu sót, hạn chế, xử lý các sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên, góp phần xây dựng tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

### **2.2. Hạn chế, khó khăn**

- Việc cụ thể hóa Kế hoạch 246 ở cấp dưới còn chung chung, chưa đi sâu vào nhiệm vụ cụ thể, chưa sát với tính đặc thù, tính cụ thể ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Về thực hiện nội dung trong Kế hoạch 246:

+ Thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã đạt tỷ lệ chưa cao (45,08%)<sup>36</sup>.

<sup>35</sup> Số liệu được tính cả nhiệm kỳ 2015-2020.

<sup>36</sup> Số liệu tại thời điểm năm 2020, chưa cập nhật số liệu sau bầu cử đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Về xây dựng mô hình tổ chức đảng, vẫn còn 81 chi bộ ghép<sup>37</sup>, chiếm tỷ lệ 2,66%, 101/122 trạm y tế xã chưa có tổ chức đảng, tỷ lệ 82,78%; 11/130 trường mầm non chưa có tổ chức đảng, tỷ lệ 8,46% (*Có Mẫu số 05 kèm theo*).

+ Công tác xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế ngoài khu vực nhà nước và phát triển đảng viên là chủ doanh nghiệp chưa thực hiện được, mặc dù cấp ủy các cấp đã ban hành kế hoạch, thành lập ban chỉ đạo.

+ Về sinh hoạt chuyên đề: vẫn còn một số chi bộ sinh hoạt chuyên đề chưa đảm bảo quy định mỗi quý ít nhất một lần.

+ Việc khoán kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố còn nhiều hạn chế, vướng mắc.

## Phần thứ hai

# PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

## I. Phương hướng

1. Từng cấp ủy, tổ chức đảng phải đề ra kế hoạch tổng thể, giải pháp cụ thể, sát tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị để tiếp tục lãnh đạo thực hiện hiệu quả hơn về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo Nghị quyết 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; Kết luận 38-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch 246. Tăng cường trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Chú trọng đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên, gắn với việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên.

2. Ban hành Chỉ thị về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên để lãnh đạo, chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể thực hiện trong giai đoạn 2021-2026.

3. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch 246 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng chương trình hành động cụ thể cộng với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

## II. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian đến

1. Các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; đảng đoàn, ban cán sự đảng; cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII gắn với thực hiện Kết luận số

<sup>37</sup> Đức Phổ 5; Tư Nghĩa 6; Mộ Đức 4; Bình Sơn 7; Minh Long 11; Nghĩa Hành 5; Sơn Tây 7; Lý Sơn 8; Thành phố 5; Ba Tơ 9; Sơn Hà 6; Sơn Tịnh 3; Quân sự 5.



01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016. Làm tốt công tác khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, cách làm hay trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và cam kết rèn luyện giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị và bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên.

2. Tổ chức thực hiện tốt việc phân công cấp ủy viên cấp tỉnh theo dõi tổ chức cơ sở đảng; cấp ủy viên cấp huyện theo dõi chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; đảng viên ở cơ sở theo dõi hộ gia đình.

3. Các cấp ủy đảng và từng chi bộ có kế hoạch, giải pháp, giao chỉ tiêu cụ thể về phát triển đảng viên, quản lý đảng viên ở thôn, tổ dân phố, các đơn vị kinh tế tư nhân, tôn giáo. Thực hiện đảm bảo, đúng quy trình rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng theo Chỉ thị số 28-CT/TW của Ban Bí thư, Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW ngày 12/4/2021 của Ban Tổ chức Trung ương.

4. Thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của tổ chức cơ sở đảng; trước hết là năng lực lãnh đạo cấp ủy viên để thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng địa phương, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện. Chú trọng tăng cường tập huấn công tác Đảng cho cấp ủy, bí thư chi bộ, nhất là đối với loại hình chi bộ công an vừa mới thành lập; chi bộ thôn, tổ dân phố, chi bộ doanh nghiệp.

5. Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ hơn nữa về sắp xếp bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương sáu khóa XII theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn kiêm chủ tịch hội đồng nhân dân; bí thư là thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước.

6. Đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng đối với công tác vận động quần chúng, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở; thực hiện nghiêm túc Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa X ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa X quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; khắc phục tình trạng hành chính, quan liêu, xa dân, xa thực tế; củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, nhằm phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân, tạo ra phong trào thi đua yêu nước, xây dựng phát triển mô hình, điển hình dân vận khéo trong quần chúng, góp phần xây dựng phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

7. Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát hệ thống chính sách đối với cán bộ bán chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố để ban hành mới và bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, nhất

là đối với những xã, phường, thị trấn có quy mô dân số vượt tiêu chuẩn do Trung ương quy định; những địa phương có địa bàn rộng, địa bàn phức tạp; có chính sách và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho đội ngũ cán bộ bán chuyên trách hằng năm và theo nhiệm kỳ.

**8.** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp trên đối với cấp dưới, của tổ chức đối với cá nhân, nhất là kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình và nội dung sinh hoạt chi bộ.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi kính báo cáo Ban Tổ chức Trung ương.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (b/c),
- Vụ Địa phương II, BTCTW (b/c),
- Các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- C, PCVP Tỉnh ủy, Phòng Tổng hợp,
- Các phòng: ĐP, BVCTNB-TH, BTCTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Đặng Ngọc Huy**

**PHỤ LỤC 01****Ban hành các văn bản quán triệt, triển khai thực hiện**

(Kèm theo Báo cáo số 110-BC/TU ngày 23/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

-----

**I. Đối với Chỉ thị 14**

1. *Ban Thường vụ Thành ủy Quảng Ngãi*: Kế hoạch số 39-KH/TU ngày 15/12/2016 về tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị 14.

2. *Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Phổ (nay là Ban Thường vụ Thị ủy)*: Công văn số 413-CV/HU ngày 29/12/2016 về triển khai, thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 34-KH/HU ngày 29 tháng 3 năm 2017 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện.

3. *Ban Thường vụ Huyện ủy Bình Sơn*: Công văn số 887-CV/HU ngày 29/12/2016 về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Công văn số 1591-CV/HU ngày 25/01/2018 về việc tham gia dự sinh hoạt chi bộ tại các chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; đề nghị các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện phụ trách xã, thị trấn thường xuyên theo dõi thực hiện Chỉ thị 14 và định kỳ hàng quý dự sinh hoạt chi bộ trực thuộc đảng ủy xã, thị trấn được phân công phụ trách, báo cáo về Thường trực Huyện ủy; chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Huyện ủy theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn việc thực hiện Chỉ thị 14 và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Công văn số 1341-CV/HU ngày 29/8/2017 chỉ đạo Đảng ủy các xã, thị trấn triển khai thực hiện chủ trương mô hình bí thư, phó bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố ở những nơi có điều kiện.

4. *Ban Thường vụ Huyện ủy Ba Tơ*: Kế hoạch số 43-KH/HU ngày 21/01/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Công văn số 510-CV/HU ngày 21/3/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc phân công các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy định kỳ hàng tháng, quý dự sinh hoạt tại chi bộ trực thuộc đảng ủy xã, thị trấn.

5. *Ban Thường vụ Huyện ủy Tư Nghĩa*: Công văn số 390<sup>a</sup>-CV/HU ngày 28/11/2016; Kế hoạch số 45-KH/HU ngày 14/3/2017 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện.

6. *Ban Thường vụ Huyện ủy Sơn Tịnh*: Công văn số 295-CV/HU ngày 12/4/2017 về triển khai thực hiện Chỉ thị 14; Công văn số 442-CV/HU ngày 20/12/2017 về triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Hướng dẫn số 13-HD/HU ngày 14/11/2018 về nội dung tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt định kỳ cho các loại hình chi bộ; Hướng dẫn số 13-HD/HU ngày 07/4/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy tiếp tục thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp.

7. *Ban Thường vụ Huyện ủy Sơn Tây*: Kế hoạch số 22-KH/HU ngày 08/12/2016 của Huyện ủy Sơn Tây về thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và các Quy định, Hướng dẫn của Trung ương; Hướng dẫn số 07-HD/HU ngày 17/12/2018 của Ban Thường vụ về nội dung, khung tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt định kỳ cho các loại hình chi bộ.

8. *Ban Thường vụ Huyện ủy Minh Long*: Kế hoạch số 27-KH/HU ngày 17/11/2016 về triển khai, quán triệt thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Công văn số 425-CV/HU ngày 14/3/2017 về việc chỉ đạo Đại hội các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở, nhiệm kỳ 2017-2020 trong đó có lồng ghép việc thực hiện Chỉ thị 14 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

9. *Ban Thường vụ Huyện ủy Trà Bồng*: Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 18/4/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy và Kế hoạch số 91-KH/HU ngày 17/8/2018 kế hoạch khắc phục tình trạng thôn trưởng, tổ trưởng tổ dân phố không phải là đảng viên.

10. *Ban Thường vụ Huyện ủy Nghĩa Hành*: Kế hoạch số 28-KH/HU ngày 06/02/2017 về thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Công văn số 77-CV/HU ngày 13/11/2020 về việc phân công các đồng chí Huyện ủy viên định kỳ dự sinh hoạt tại các chi, đảng bộ được phân công phụ trách.

11. *Ban Thường vụ Huyện ủy Lý Sơn*: Chỉ thị số 15-CT/HU ngày 09/01/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

12. *Đảng ủy Công an tỉnh*: Kế hoạch số 60-KH/ĐUCA ngày 26/4/2017 về việc thực hiện Chỉ thị số 14; Hướng dẫn số 23-HD/ĐUCA ngày 19/11/2018 về nội dung, quy trình và khung tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ trong Công an tỉnh.

13. *Đảng ủy Khối cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh*: Chương trình hành động số 07-CTr/ĐUK về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

14. *Ban Thường vụ Huyện ủy Mộ Đức*: Công văn số 370-CV/HU ngày 09/02/2017 yêu cầu các chi, đảng bộ triển khai thực hiện Chỉ thị 14; Công văn số 976-CV/HU ngày 12/6/2014 về việc dự họp chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và Công văn số 844-CV/HU ngày 09/10/2018 về việc Dự họp chi bộ trực thuộc Đảng ủy nơi phụ trách địa bàn và nơi cư trú đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy và các đồng chí Huyện ủy viên phụ trách địa bàn xã, thị trấn.

15. *Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh*: Kế hoạch số 173/KH-BCH ngày 01/02/2019 phân công đảng viên đồn Biên phòng phụ trách hộ gia đình ở khu vực biên giới biển của tỉnh; Hướng dẫn số 412/HĐ-BCH ngày 20/3/2019 về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

## II. Đối với Kế hoạch 246

1. *Ban Thường vụ Thành ủy Quảng Ngãi*: Kế hoạch số 144-KH/TU ngày 28/2/2020 thực hiện Kết luận số 38-KL/TW ngày 13/11/2018 của Bộ Chính trị.

2. *Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Phổ (nay là Ban Thường vụ Thị ủy)*: Kế hoạch số 113-KH/HU ngày 14/2/2020 thực hiện Kết luận số 38-KL/TW của Bộ Chính trị.

3. *Ban Thường vụ Huyện ủy Bình Sơn*: Kế hoạch số 213-KH/HU ngày 04/3/2020 về thực hiện Kết luận số 38-KL/TW của Bộ Chính trị.

4. *Ban Thường vụ Huyện ủy Tư Nghĩa*: Kế hoạch số 139-KH/HU ngày 20/01/2020 thực hiện Kết luận số 38-KL/TW của Bộ Chính trị.

5. *Ban Thường vụ Huyện ủy Sơn Tây*: Kế hoạch số 129-KH/HU ngày 24/02/2020 để cụ thể hóa Kết luận 38-KL/TW của Bộ Chính trị.

6. *Ban Thường vụ Huyện ủy Trà Bồng*: Kế hoạch số 160-KH/HU ngày 24/3/2020 để chỉ đạo thực hiện Kết luận 38-KL/TW của Bộ Chính trị.

7. *Ban Thường vụ Huyện ủy Nghĩa Hành*: Kế hoạch số 107-KH/HU ngày 16/3/2020 để cụ thể hóa Kết luận 38-KL/TW của Bộ Chính trị.

8. *Ban Thường vụ Huyện ủy Lý Sơn*: Kế hoạch số 217-KH/HU ngày 03/3/2020 về thực hiện Kết luận số 38-KL/TW của Bộ Chính trị.

9. *Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh*: Chương trình hành động số 37-CTr/ĐUK ngày 28/6/2019 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về thực hiện Kết luận số 38-KL/TW của Bộ Chính trị.

10. *Đảng ủy Quân sự tỉnh*: Kế hoạch số 17-KH/ĐU ngày 11/02/2020 về triển khai thực hiện Kế hoạch 246-KH/TU ngày 15/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

11. *Đảng ủy Công an tỉnh*: Kế hoạch số 159-KH/ĐUCA ngày 18/02/2020 thực hiện Kết luận số 38-KL/TW của Bộ Chính trị.

---

## PHỤ LỤC 02

### **Cách làm hay, mô hình hiệu quả, sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ ở địa phương, cơ quan, đơn vị** (Kèm theo Báo cáo số 110-BC/TU ngày 23/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

-----

#### 1. Ban Thường vụ Thành ủy Quảng Ngãi

- Đưa ra giải pháp để đảm bảo chỉ tiêu kết nạp đảng viên, nhiều chi bộ, cấp ủy bàn bạc, thảo luận các giải pháp tạo nguồn phát triển đảng viên mới và đặc biệt phân công những đồng chí đảng viên có kỹ năng thuyết phục, tuyên truyền, vận động những quần chúng ưu tú bồi dưỡng cho đảng và kịp thời hướng dẫn quần chúng viết hồ sơ lý lịch vào đảng, từ đó giúp nhiều quần chúng nhận thức sâu sắc vai trò lãnh đạo của Đảng và ra sức phấn đấu, rèn luyện để sớm đứng vào hàng ngũ của Đảng.

- Mô hình được đông đảo cán bộ, đảng viên trong chi bộ tích cực hưởng ứng tham gia: “*Tiết kiệm làm theo Bác*”, “*Cơ quan, đơn vị giúp xã, thôn khó khăn và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức giúp đỡ hộ nghèo*”, “*Góp vốn xoay vòng*”, “*Xây dựng quỹ Nghĩa tình đồng đội*”, “*Hũ gạo tình thương*”, “*Heo đất tiết kiệm*”, “*Gây quỹ tương trợ cộng đồng*”; mô hình: “*03 có, 03 không*” (Có lập trường tư tưởng vững vàng; Có phẩm chất đạo đức lối sống lành mạnh; Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt - Không phát ngôn trái với quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước; Không gây phiền hà sách nhiễu với nhân dân; Không thờ ơ, vô cảm với những khó khăn của nhân dân); mô hình “*03 trong 01*” (*01 đảng viên phụ trách 02 hộ dân lân cận trong thực hiện nếp sống văn minh đô thị*)... bước đầu đem lại hiệu quả, tạo hiệu ứng tốt trong cộng đồng.

#### 2. Ban Thường vụ Huyện ủy Bình Sơn

- Mô hình “*Tiết kiệm làm theo Bác*” được đa số các chi, đảng bộ lựa chọn thực hiện. Tính đến 4/2021, đã vận động tiết kiệm được gần 4,4 tỷ đồng và 19.741 kg gạo hỗ trợ cho 2.025 đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình khó khăn, già yếu, ốm đau, học sinh nghèo vượt khó học giỏi, hỗ trợ quỹ khuyến học tại địa phương.

- Mô hình “*Gần dân, giúp dân - đảng viên giúp hộ gia đình*”, có 22/22 đảng ủy xã, thị trấn triển khai thực hiện, đảng viên được phân công đã tuyên truyền, giáo dục, vận động các thành viên trong hộ, nhóm hộ chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các qui định của địa phương; tích cực hướng dẫn, giúp đỡ các hộ trong việc ăn ở hợp vệ sinh, nuôi dạy con cái; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn trong thôn xóm; xây dựng gia đình văn hóa, vận động, hướng dẫn các hộ và nhóm hộ sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo; tạo được sự gần gũi giữa cán bộ với quần chúng nhân dân, tăng cường mối đoàn kết ở thôn, xóm, khu dân cư.

- Mô hình như: “*Gần dân, sát việc*”; “*04 đúng, 04 phải, 03 sát*”; vận động cán bộ, đảng viên, Nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa mới, tiết kiệm trong tổ chức ma chay, hiếu, hỉ; mỗi đảng viên vận động 02 hộ dân đi dự sinh hoạt khu dân cư, tổ dân phố; vận động ít nhất 01 hộ dân không đổ rác thải, nước bẩn gây ô nhiễm

môi trường; tham gia giải thích cho người dân hiểu rõ đường lối, chủ trương của Đảng, phát hiện và tham gia giải quyết bức xúc của Nhân dân ở cơ sở, ... được nhiều đơn vị thực hiện đem lại kết quả bước đầu với những việc làm ý nghĩa và thiết thực.

- Mô hình biên soạn và trao tặng hơn 10.500 cuốn “*Sổ tay đảng viên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” cho đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện dùng trong sinh hoạt chi bộ thường kỳ và chuyên đề cho cả nhiệm kỳ (nhiệm kỳ 2015-2020, 2020-2025, mỗi nhiệm kỳ một đợt).

3. *Ban Thường vụ Huyện ủy Tư Nghĩa*: Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ sở triển khai thực hiện các đợt sinh hoạt chuyên đề và giao các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy trực tiếp dự sinh hoạt chuyên đề theo địa bàn phụ trách và báo cáo kết quả cho đồng chí Bí thư Huyện ủy; mô hình dân vận khéo đã đem lại kết quả thiết thực, nhất là trong vận động Nhân dân tham gia hưởng ứng chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng đường làng ngõ xóm sạch đẹp, vận động nhân dân xây dựng mô hình điện thấp sáng đường quê ở hầu hết các tuyến đường liên thôn xóm trên địa bàn huyện.

4. *Ban Thường vụ Huyện ủy Sơn Tịnh*: Mô hình “*Tiết kiệm làm theo Bác*” được đa số các chi, đảng bộ lựa chọn thực hiện. Tính đến tháng 4/2021, thăm và trao 3.082 suất quà cho các hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng xã hội trong dịp tết Nguyên Đán với số tiền là 1,5 tỷ đồng. Ngoài ra, còn có các mô hình gắn với thực hiện Chỉ thị 05 đã được các chi bộ thôn phối hợp với các chi hội phụ nữ ở địa phương thực hiện có kết quả như: mô hình “*gian hàng không đồng*” nhằm hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền trên 20 triệu đồng; mô hình tặng quà cho học sinh nghèo vượt khó từ nguồn thu gom phế liệu; mô hình “*nồi cháo từ thiện*” nấu, cấp phát cho các bệnh nhân ở Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Đa khoa huyện Sơn Tịnh mỗi tháng 02 lần...

5. *Ban Thường vụ Huyện ủy Lý Sơn*: Giải pháp tiếp tục nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức với phương châm thiết thực, hiệu quả, với mục tiêu lấy sự hài lòng của người dân, làm thước đo chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, vai trò tự kiểm tra, giám sát nội bộ của cán bộ, công chức, viên chức, vai trò giám sát của người dân trong việc phát hiện, ngăn chặn các biểu hiện suy thoái, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đồng thời, chỉ đạo các chi, đảng bộ trực thuộc, cơ quan, đơn vị đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW vào sinh hoạt định kỳ, thường xuyên và sinh hoạt chuyên đề. Nhiều chi bộ, cơ quan, đơn vị và cá nhân có mô hình tiêu biểu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai, nhân rộng.

6. *Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh*: Mô hình “*04 đúng, 04 phải, 03 sát*” (đúng giờ, đúng kế hoạch, đúng chức trách nhiệm vụ,

đúng chủ trương, chính sách, pháp luật; phải minh bạch, phải tận tình, phải chính xác, phải đúng hẹn; sát dân, sát việc, sát cơ sở) đã được nhiều chi bộ lựa chọn để tổ chức sinh hoạt chuyên đề, chủ điểm; bước đầu đã có tác động tích cực trong việc rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức trách nhiệm đối với công việc được giao của cán bộ, đảng viên, công chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Tiêu biểu các mô hình như: "*Gần dân sát việc*" đã được các đơn vị Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chi bộ Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh có mô hình "*Huy động nguồn lực hỗ trợ trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh được khám và phẫu thuật*"; Chi bộ Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh triển khai mô hình "*Xây dựng ý thức tôn trọng Nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống cho Nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với công tác giải quyết việc làm và thực hiện chính sách Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động trong tình hình mới*"; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh có mô hình "*Kết nối những tấm lòng*"; Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh có mô hình "*Chăm sóc sức khỏe người dân và hỗ trợ người bệnh có hoàn cảnh khó khăn*". Các doanh nghiệp triển khai mô hình "*Thi đua sản xuất kinh doanh giỏi*", tiêu biểu các đơn vị: Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi, Công ty Điện lực Quảng Ngãi, Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông, Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi, VNPT Quảng Ngãi...; Đoàn thanh niên Khối thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với các mô hình, phong trào như: "*Phong trào thanh niên làm theo lời Bác*", "*Nhà nhân ái*", "*Ngân hàng máu sống*", "*Sáng tạo trẻ*"...

7. *Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh*: Mô hình mỗi đồng chí trong ban chỉ huy đồn Biên phòng đều phụ trách từ 2-3 hộ. Đối với các đội: Vận động quần chúng, Trinh sát, Phòng chống Ma Túy và Tội phạm, Kiểm soát hành chính, Trạm Kiểm soát biên phòng mỗi đồng chí phụ trách từ từ 7-9 hộ. Trong toàn đảng bộ đã phân công 97 đảng viên phụ trách 382 hộ/1.367 khẩu. Mô hình "*Đền ơn đáp nghĩa*", "*Uống nước nhớ nguồn*", "*Xóa đói giảm nghèo*"...

8. *Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh*: Các mô hình hoạt động hiệu quả, thu hút nhiều cán bộ, đảng viên hưởng ứng tích cực tham gia: Mô hình "*Tiết kiệm làm theo lời Bác*"; mô hình "*Gần dân, sát việc trong công tác cấp chứng minh nhân dân*"; mô hình "*Tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển gắn với công tác bảo vệ an ninh chủ quyền biển đảo của Tổ quốc*"...

---



**TÌNH HÌNH CHI BỘ VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG TOÀN ĐẢNG BỘ**  
(kèm theo Báo cáo số 110-BC/TU ngày 23/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

-----

TT	Loại hình chi bộ	Tổng số chi bộ	Trong đó				Tổng số đảng viên	
			Số chi bộ có cấp ủy	Chi bộ có dưới 9 đảng viên	Chi bộ có từ 9 đến 30 đảng viên	Chi bộ có trên 30 đến dưới 100 đảng viên		Chi bộ có trên 100 đảng viên
1	Chi bộ địa bàn dân cư thôn (xóm, tổ dân phố...)	954	913	37	597	289	31	29,585
2	Chi bộ quân sự xã	173	148	28	144	1	0	1,806
3	Chi bộ công an xã (nếu có)	173	9	162	11	0	0	796
4	Chi bộ cơ quan hành chính	496	163	213	275	8	0	5,085
5	Chi bộ đơn vị sự nghiệp công lập	779	461	251	506	22	0	10,883
6	Chi bộ đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	10	4	6	4	0	0	112
7	Chi bộ trong lực lượng vũ trang	252	146	110	137	5	0	3,005
8	Chi bộ doanh nghiệp Nhà nước: Trong đó	125	67	36	85	4	0	1,533
-	<i>Chi bộ trong doanh nghiệp 100% vốn nhà nước</i>	98	57	32	63	3	0	1,143
-	<i>Chi bộ trong doanh nghiệp cổ phần có trên 50% vốn nhà nước</i>	19	5	3	16	0	0	275
-	<i>Chi bộ trong doanh nghiệp cổ phần dưới 50% vốn nhà nước</i>	8	5	1	6	1	0	115
11	Chi bộ trong doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0
12	Chi bộ trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	71	49	22	44	5	0	1,218
13	Chi bộ sinh viên	2	0	0	2	0	0	45
14	Chi bộ hợp tác xã	8	0	8	0	0	0	34
15	Chi bộ khác	10	1	5	5	0	0	261
<b>Tổng</b>		<b>3,053</b>	<b>1,961</b>	<b>878</b>	<b>1,810</b>	<b>334</b>	<b>31</b>	<b>54,363</b>

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ MÔ HÌNH CHI BỘ THÔN, TỔ DÂN PHỐ**  
(kèm theo Báo cáo số 110-BC/TU ngày 23/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

-----

TT	Địa phương	Tổ chức cơ sở đảng																							
		Chi bộ cơ sở	Đã n g b ộ cơ sở	Tổng số đảng viên toàn đảng bộ	Trong đó			Trong đó: chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở																	
					Đảng viên miên sinh hoạt	Đảng viên chuyển sinh hoạt tạm thời	Đảng viên là người có đạo	Tổng số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở	Tổng số đảng viên	Chi bộ thôn trước sáp nhập	Chi bộ thôn, tổ dân phố (Riêng Lý Sơn chi bộ thôn là CB cơ sở trực thuộc Huyện ủy)														
											Tổng số chi bộ thôn, TDP	Tổng số cấp ủy	Tổng số đảng viên thôn, TDP	Trong đó		Bí thư		Phó bí thư		Chi ủy viên		Đảng viên			
														Đảng viên là CB hưu trí	Bí thư là cán bộ hưu trí	Kiểm tra ng ban công tác Mặt trận	Kiểm tra ng ban công tác Mặt trận	Kiểm tra ng ban công tác Mặt trận	Kiểm tra ng ban công tác Mặt trận	Kiểm tra ng ban công tác Mặt trận	Kiểm tra ng ban công tác Mặt trận				
1	Thành phố Quảng Ngãi	31	31	9,575	1,288		2	302	9,131	241	139	134	7,188	5,227	87	8	16	94	31	24	66	9	26		
2	Thị xã Đức Phổ	30	18	4,259	461	6	1	180	3,810	91	83	78	2,807	1,241	36	15	35	55	20	3	19	5	7		
3	Huyện Bình Sơn	26	29	5,606	36	35	6	256	5,331	126	120	120	3,712	1,275	49	21	47	79	28	7	22	11	21		
4	Huyện Sơn Tịnh	31	14	2,980	44	11	0	132	2,697	61	58	57	1,940	379	15	10	39	43	12	1	4	2	3		
5	Huyện Sơn Tây	20	12	1,374	20	2	0	78	1,191	42	35	33	806	33	1	11	8	13	10	1	5	8	11		
6	Huyện Tư Nghĩa	37	19	3,533	24	12	0	189	3,153	82	79	78	2,072	783	21	8	11	57	17	8	40	6	11		
7	Huyện Minh Long	26	7	1,360	3	1	1	66	1,146	43	31	31	844	103	3	6	19	23	7	0	2	2	2		
8	Huyện Nghĩa Hành	36	14	3,054	126	3	3	155	2,701	84	74	71	1,895	656	24	9	13	41	5	5	28	9	22		
9	Huyện Trà Bồng	32	19	2,802	124	0	0	165	2,392	86	79	74	1,575	0	2	24	38	43	39	3	0	5	2		
10	Huyện Ba Tơ	32	22	3,848	158	7	2	196	3,524	119	93	92	2,650	349	11	6	32	59	30	22	23	6	6		
11	Huyện Sơn Hà	27	17	2,877	172	1		175	2,578	101	89	85	1,764	83		5	7	20	20	0	0	59	38		
12	Huyện Mộ Đức	32	16	4,060	402		2	158	3,548	69	68	56	2,098			8	15	60	0	0	53	0	0		
13	Lý Sơn	20	4	866			1	27	393	6	6	4	234	71	1	0	0	0	6	0	0	6	0		
14	Đảng ủy Khối Cơ quan và DN tỉnh	84	56	6,523	3	12	10	401	5,292																
15	Đảng ủy Quân sự	1	5	382				25	364																
16	Đảng ủy BĐ Biên phòng	11	4	389				13	157																
17	Đảng ủy Công an tỉnh	21	7	875				38	395																
<b>Tổng</b>		<b>497</b>	<b>294</b>	<b>9,575</b>	<b>2,861</b>	<b>90</b>	<b>28</b>	<b>2,556</b>		<b>1,151</b>	<b>954</b>	<b>913</b>			<b>250</b>	<b>131</b>	<b>280</b>	<b>587</b>	<b>225</b>	<b>74</b>	<b>262</b>	<b>128</b>	<b>149</b>		

**THỐNG KÊ CÁC LOẠI HÌNH CHI BỘ THỰC HIỆN VIỆC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN**  
(kèm theo Báo cáo số 110-BC/TU ngày 23/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

-----

TT	Loại hình chi bộ	Tổng số chi bộ	Số chi bộ còn nguồn để phát triển đảng viên	Đánh giá số lượng chi bộ quan tâm đến việc phát triển đảng viên (từ năm 2015 đến năm 2020)			Kết nạp đảng viên hàng năm					
				Số lượng chi bộ hàng năm đều kết nạp đảng viên mới	Số lượng chi bộ từ 2-3 năm kết nạp đảng viên mới	Số lượng chi bộ từ 4-5 năm kết nạp đảng viên mới	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
1	Chi bộ địa bàn dân cư thôn (xóm, tổ dân phố...)	954	866	372	371	125	722	727	701	498	333	2981
2	Chi bộ quân sự xã	173	135	53	73	15	96	92	90	54	50	382
3	Chi bộ công an xã (nếu có)	173	67	2	9	7	9	2	4	3	8	26
4	Chi bộ cơ quan hành chính	496	289	121	197	103	349	335	267	215	168	1334
5	Chi bộ đơn vị sự nghiệp công lập	779	534	245	296	81	568	521	512	449	351	2401
6	Chi bộ đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	10	1	1	0	0	2	1	3	2	1	9
7	Chi bộ trong lực lượng vũ trang	252	137	47	92	35	134	114	102	90	86	526
8	Chi bộ trong doanh nghiệp 100% vốn nhà nước	98	87	31	53	6	53	60	84	78	83	358
9	Chi bộ trong doanh nghiệp cổ phần có trên 50% vốn nhà nước	19	16	7	10	2	15	19	16	13	9	72
10	Chi bộ trong doanh nghiệp cổ phần dưới 50% vốn nhà nước	8	8	4	4	0	6	8	5	9	9	37
11	Chi bộ trong doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Chi bộ trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	71	60	25	34	6	54	70	82	75	54	335
13	Chi bộ sinh viên	2	2	2	0	0	12	11	16	7	8	54
14	Chi bộ hợp tác xã	8	6	0	2	3	0	1	1	0	0	2
15	Chi bộ khác	10	3	3	2	1	0	4	0	0	0	4
<b>Tổng</b>		<b>3053</b>	<b>2211</b>	<b>913</b>	<b>1143</b>	<b>384</b>	<b>2020</b>	<b>1965</b>	<b>1883</b>	<b>1493</b>	<b>1160</b>	<b>8521</b>

Mẫu số 04

**CHẤT LƯỢNG KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN***(kèm theo Báo cáo số 110-BC/TU ngày 23/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

Chỉ tiêu		2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
<b>I- Đảng viên kết nạp hằng năm</b>		<b>2020</b>	<b>1965</b>	<b>1883</b>	<b>1493</b>	<b>1160</b>	<b>8521</b>
Trong đó:	+ Kết nạp lại	0	0	1	0	0	1
	+ Phụ nữ	983	985	921	760	541	4190
	+ Dân tộc ít người	278	304	292	250	162	1286
	+ Tôn giáo	3	2	2	2	2	11
	+ Quần chúng vi phạm chính sách KHHGD	0	5	14	5	3	27
	+ Sinh viên, học sinh	36	40	40	22	41	179
	+ Người làm lâm, ngư nghiệp	409	256	151	145	45	1006
	+ Công nhân, người lao động (trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước)	58	80	90	87	68	383
	+ Chủ doanh nghiệp tư nhân	0	0	0	0	0	0
	+ Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài (nếu có)	0	0	0	0	0	0
<b>II- Phân tích đảng viên kết nạp</b>		<b>2020</b>	<b>1965</b>	<b>1883</b>	<b>1493</b>	<b>1160</b>	<b>8521</b>
<b>1. Tuổi đời</b>	Từ 18 - 30 tuổi	1068	1001	947	657	534	4207
	Từ 31-35 tuổi	568	544	531	441	363	2447
	Từ 36-40 tuổi	257	287	269	251	158	1222
	Từ 41-45 tuổi	86	105	84	105	73	453
	Từ 46-50 tuổi	28	19	37	18	24	126
	Từ 50- 55 tuổi	12	9	15	16	8	60
	Trên 55 tuổi	1	0	0	5	0	6
<b>2- Trình độ học vấn trung học phổ thông</b>		<b>1878</b>	<b>1831</b>	<b>1725</b>	<b>1393</b>	<b>1094</b>	<b>7921</b>
<b>3- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ</b>		<b>1633</b>	<b>1570</b>	<b>1436</b>	<b>1245</b>	<b>1092</b>	<b>6976</b>
	+ Cao đẳng	626	585	571	474	392	2648
	+ Đại học	932	908	782	699	650	3971
	+ Thạc sĩ	54	58	64	60	39	275
	+ Tiến sĩ	21	19	19	12	11	82

Mẫu số 05

**TÌNH HÌNH TRƯỜNG HỌC, TRẠM Y TẾ, DOANH NGHIỆP  
CHƯA CÓ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN**

*(kèm theo Báo cáo số 110-BC/TU ngày 23/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

TT	Năm	Trường tiểu học và THCS			Trường mầm non			Trạm y tế			Doanh nghiệp					
											DN có vốn Nhà nước			DN ngoài khu vực Nhà nước		
		Tổng số	Chưa	Chưa	Tổng số	Chưa	Chưa	Tổng số	Chưa	Chưa	Tổng số	Chưa	Chưa	Tổng số	Chưa	Chưa
			có tổ chức	có đảng		có tổ chức	có đảng		có tổ chức	có đảng		có tổ chức	có đảng			
đảng viên	đảng viên		đảng viên	đảng viên		đảng viên	đảng viên		đảng viên	đảng viên						
1	2016	270	33	0	131	46	1	130	128	12	38	0	0	3,165	3,089	0
2	2017	270	22	0	129	35	0	130	122	12	37	0	0	3,724	3,638	0
3	2018	265	5	0	134	24	0	129	120	12	25	0	0	4,180	4,089	0
4	2019	250	1	0	134	18	0	129	109	12	22	0	0	4,672	4,579	0
5	2020	237	1	0	130	11	0	122	101	9	34	0	0	4,060	3,989	0

Mẫu số 06

**BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG  
CHO CẤP ỦY VIÊN, BÍ THƯ CẤP ỦY CƠ SỞ**

*(kèm theo Báo cáo số 110-BC/TU ngày 23/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

T T	Tiêu chí	2015		2016		2017		2018		2019		2020		Tổng cộng	
		Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người
1	Lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng	37	2,833	39	12,594	38	2,670	34	2,313	36	1,975	30	1,700	214	24,085
2	Lớp bồi dưỡng đảng viên mới	24	1,749	25	1,671	23	1,678	26	1,757	25	1,346	22	1,102	145	9,303
3	Lớp bồi dưỡng cấp ủy cơ sở	7	532	9	626	18	1,282	13	1,115	8	674	11	789	66	5,018
4	Sơ cấp chính trị	9	543	10	616	11	627	10	511	7	332	9	402	56	3,031
5	Lớp bồi dưỡng Quản lý Nhà nước	0	16	0	1	0	12	0	6	1	97	0	62	1	194
6	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng	9	701	10	782	11	1,035	11	1,103	9	766	7	575	57	4,962
7	Các lớp bồi dưỡng khác	73	4,942	87	6,327	90	7,582	101	8,406	95	7,452	46	4,125	492	38,834

Mẫu số 07  
**MÔ HÌNH CƠ CẤU, BỐ TRÍ KIÊM NHIỆM CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**  
*(kèm theo Báo cáo số 110-BC/TU ngày 23/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

TT	Năm	Đảng ủy xã, phường, thị trấn								Cơ quan, đơn vị, hành chính sự nghiệp			Doanh nghiệp					
		Tổng số xã, phường, thị trấn	Bí thư		Phó bí thư			Số đơn vị Phó Bí thư thường trực kiêm chủ tịch Mặt trận	Tổng số	Trong đó		Doanh nghiệp nhà nước			Doanh nghiệp ngoài nhà nước			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				Bí thư kiêm chủ tịch HĐND	Bí thư kiêm chủ tịch UBND		Phó Bí thư kiêm chủ tịch HĐND				Phó Bí thư kiêm chủ tịch UBND	Bí thư là thủ trưởng cơ quan đơn vị		Bí thư là cấp phó cơ quan đơn vị	Bí thư là thủ trưởng doanh nghiệp	Bí thư là cấp phó doanh nghiệp	Bí thư là giám đốc (hoặc chủ tịch HĐQT) DN	Bí thư là phó giám đốc (hoặc phó chủ tịch HĐQT) DN
1	2015	184	184	119	5	272	61	169	3	556	425	127	45	38	7	23	19	4
2	2016	184	184	117	3	272	63	170	4	556	423	128	47	40	7	22	17	5
3	2017	184	184	114	3	273	66	170	4	560	430	125	48	39	9	26	19	7
4	2018	184	184	111	6	273	68	168	8	557	422	126	48	38	10	31	23	8
5	2019	184	184	100	10	274	69	167	14	523	390	128	49	43	6	30	20	10
6	2020	173	173	78	10	246	58	158	15	489	358	123	49	45	4	27	21	6

Mẫu số 08  
**THÔNG KÊ VIỆC QUẢN LÝ ĐẢNG VIÊN, TỔ CHỨC ĐẢNG,  
 ĐẢNG VIÊN BỊ KỶ LUẬT, ĐẢNG VIÊN RA KHỎI ĐẢNG**  
*(kèm theo Báo cáo số 110-BC/TU ngày 23/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

STT	Năm	Tổ chức cơ sở đảng			Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở			Đảng viên							
		Kỷ luật			Kỷ luật			Kỷ luật				Xóa tên		Xin ra khỏi đảng	
		Khiển trách	Cảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ	Tổng số	Lí do	Tổng số	Lí do
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	<b>2015</b>	0	0	0	0	0	0	79	32	7	17	52		8	
2	<b>2016</b>	1	0	0	0	0	0	139	50	6	15	60		11	
3	<b>2017</b>	2	0	0	4	0	0	133	46	9	14	86		16	
4	<b>2018</b>	1	0	0	1	0	0	163	58	5	9	80		18	
5	<b>2019</b>	1	1	0	1	0	0	149	51	10	6	101		30	
6	<b>2020</b>	2	1	0	0	0	0	118	29	2	8	98		38	
<b>Tổng số</b>		<b>7</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>781</b>	<b>266</b>	<b>39</b>	<b>69</b>	<b>477</b>	<b>0</b>	<b>121</b>	<b>0</b>